

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2023

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2023

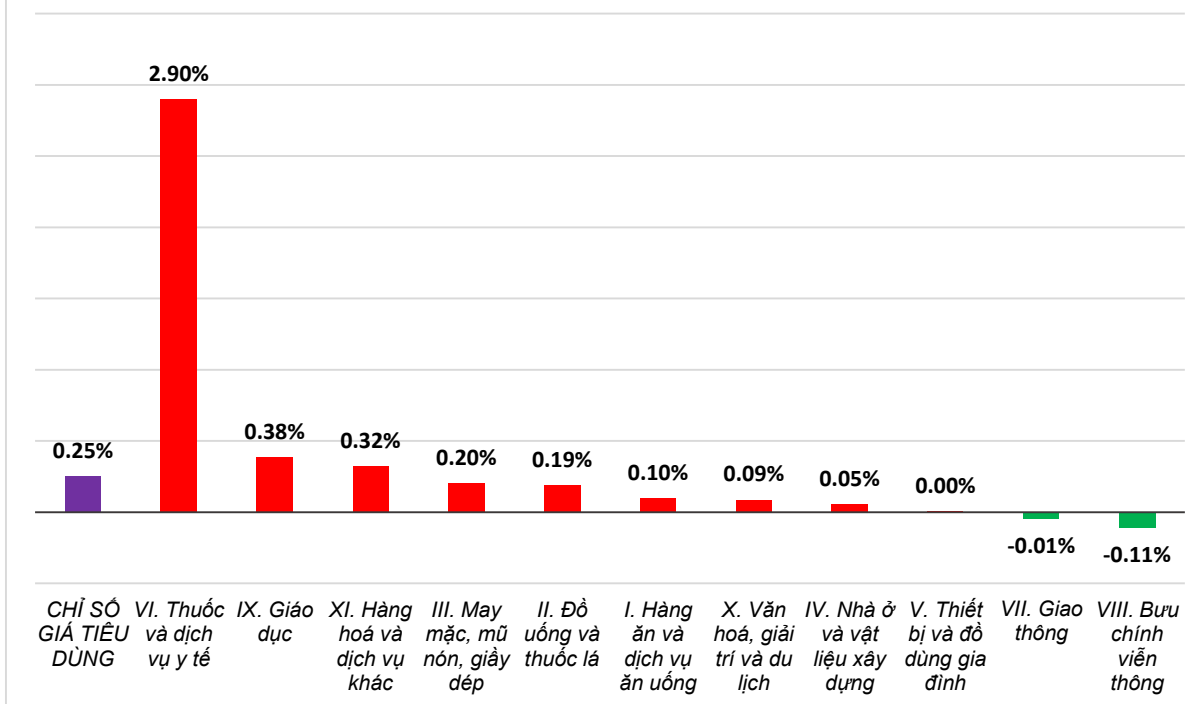
Một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT, tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2023 tăng 0,25% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười Một tăng 3,46% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,45%.

Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,27%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 11 NĂM 2023

So với tháng trước, CPI tháng 11/2023 tăng 0,25% (Khu vực thành thị tăng 0,19%; khu vực nông thôn tăng 0,3%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 8 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, 2 nhóm hàng giảm giá, riêng nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình không biến động.

Hình 1: Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 11/2023 so với tháng trước



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 11/2023 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,1%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 11/2023 tăng 0,1% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm, trong đó lương thực tăng 2,31%, tác động tăng 0,08 điểm phần trăm; thực phẩm giảm 0,32%, tác động giảm 0,07 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,2%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+2,31%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 11/2023 tăng 2,31% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 3,16% (Gạo tẻ thường tăng 3,45%; gạo tẻ ngon tăng 2,45% và gạo nếp tăng 1,32%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu do nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh tại nhiều quốc gia trong khi nguồn cung gạo toàn cầu giảm do ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của biến đổi khí hậu.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.500-17.800 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 19.600-23.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 20.900-23.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 25.800-40.000 đồng/kg.

Giá gạo tăng tác động đến giá các mặt hàng lương thực khác như giá bún, bánh phở, bánh đa tháng Mười Một tăng 1,56% so với tháng trước; sắn tăng 1%; khoai tăng 0,66%; miến tăng 0,41%; bột ngô tăng 0,25%; mỳ sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền tăng 0,22%; bột mỳ tăng 0,1%.

1.2. Thực phẩm (-0,32%)

Giá thực phẩm tháng 11/2023 giảm 0,32% so với tháng trước, chủ yếu ở một số nhóm hàng sau:

- Giá thịt lợn giảm 1,57%, tác động làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm. Giá thịt lợn giảm do dịch tả lợn châu Phi đang có chiều hướng gia tăng tại nhiều địa phương khiến người chăn nuôi bán tháo chạy dịch trong khi nhu cầu của tiêu dùng của người dân không cao. Tính đến ngày 25/11/2023, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 48.000-52.000 đồng/kg. Theo đó, giá mỡ động vật giảm 1,99% so với tháng trước; thịt quay, giò, chả giảm 0,38%; thịt chế biến khác giảm 0,16%.

- Giá rau tươi, khô và chế biến giảm 0,89%, trong đó giá bắp cải giảm 5,71%; su hào giảm 1,87%; khoai tây giảm 2,8%; đỗ quả tươi giảm 2,27%; rau dạn củ, quả giảm 1,81%; rau tươi khác giảm 0,88% do thời tiết thuận lợi khiến rau sinh trưởng nhanh, các loại rau củ vụ đông như bắp cải, su hào đã vào vụ thu hoạch, sản lượng cao.

Ở chiều ngược lại, có một số mặt hàng tăng giá:

- Mưa bão xảy ra tại các tỉnh miền Trung nên hoạt động khai thác thủy hải sản gặp khó khăn, nguồn cung giảm làm cho giá thủy sản chế biến tăng 0,23% so với tháng trước.

- Giá đường, mật tăng 0,66% so với tháng trước; quả tươi, chế biến tăng 0,63%; các loại đậu và hạt tăng 0,38%; nước mắm, nước chấm tăng 0,32%; đồ gia vị tăng 0,27%; bánh mứt, kẹo tăng 0,18%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,17% và sữa, bơ, pho mát tăng 0,12%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,2%)

Giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tháng 11/2023 tăng 0,2% so với tháng trước do giá nguyên liệu chế biến ở mức cao. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 0,21% so với tháng trước; uống ngoài gia đình tăng 0,27% và đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,08%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 11/2023 tăng 0,19% so với tháng trước chủ yếu do tỷ giá đô la Mỹ tăng. Cụ thể, giá rượu bia tăng 0,16%; nước quả ép tăng 0,17%; nước giải khát có ga tăng 0,31% và thuốc hút tăng 0,19%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 11/2023 tăng 0,2% so với tháng trước do chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm quần áo mùa đông tăng. Trong đó, giá vải các loại và mũ nón cùng tăng 0,15%; giày dép tăng 0,06%; quần áo may sẵn tăng 0,27%; dịch vụ may mặc tăng 0,21%; dịch vụ giày, dép tăng 0,25%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 11/2023 tăng 0,05% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,01 điểm phần trăm do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Giá gas tăng 0,89% so với tháng trước, nguyên nhân là từ ngày 01/11/2023, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 4.000 - 5.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 5 USD/tấn (từ mức 610 USD/tấn lên mức 615 USD/tấn).

- Giá nhà ở thuê và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở cùng tăng 0,08% so với tháng trước, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,36% do nhu cầu tăng vào cuối năm.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng trong tháng có giá giảm so với tháng trước:

- Giá điện sinh hoạt và giá nước sinh hoạt lần lượt giảm 1,45% và 0,13%¹ do nhu cầu tiêu dùng giảm khi thời tiết mát.

- Giá dầu hỏa giảm 5,53% chủ yếu do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá ngày 01/11/2023, 13/11/2023 và 23/11/2023.

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 11/2023 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 10/2023. Theo đó, giá bán lẻ điện bình quân điều chỉnh tăng 4,5% áp dụng từ ngày 9/11/2023 theo Quyết định số 1416/QĐ-EVN ngày 8/11/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam chưa tác động tới chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 11/2023.

5. Thuốc và dịch vụ y tế (+2,9%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 11/2023 tăng 2,9% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 2,27%; khám chữa bệnh nội trú tăng 5,13%. Nguyên nhân chủ yếu do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

6. Giao thông (-0,01%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 11/2023 giảm 0,01% so với tháng trước, chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước vào ngày 01/11/2023, 13/11/2023 và 23/11/2023 làm cho giá xăng giảm 1,4% so với tháng trước; giá dầu diesel giảm 7,14%.

- Giá xe ô tô mới, xe máy và xe ô tô đã qua sử dụng lần lượt giảm 0,17%; 0,05% và 0,24% do các hãng xe áp dụng chương trình khuyến mại để kích cầu tiêu dùng.

Ở chiều ngược lại có một số mặt hàng tăng giá:

- Giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 12,89% so với tháng trước, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 72,63%; đường bộ tăng 0,11%; riêng vé tàu hỏa giảm 1,23%.

- Giá phụ tùng ô tô tăng 0,11%; lốp, săm xe đạp tăng 0,62%; phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,3%.

- Dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,23%, dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 0,24%, dịch vụ trông giữ xe tăng 0,03% do chi phí nhân công tăng.

7. Giáo dục (+0,38%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Mười Một tăng 0,38% so với tháng trước, trong đó giá dịch vụ giáo dục tăng 0,42%² do một số địa phương thực hiện tăng học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và một số trường đại học, cao đẳng công lập, dân lập, tư thục cũng tăng học phí năm học 2023-2024 để bảo đảm thu chi thường xuyên. Bên cạnh đó, giá vở, giấy viết các loại tháng Mười Một tăng 0,04% so với tháng trước; giá bút viết tăng 0,1%; giá văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,17%.

8. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,32%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 11/2023 tăng 0,32% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ trang sức tăng 2,39%; dụng cụ cá

² Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 11/2023 tăng cao so với tháng trước: Long An tăng 29,11%; Vĩnh Phúc tăng 11,21%.

nhân không dùng điện tăng 0,24%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 0,51%; dịch vụ về hỉ tăng 0,36% do nhu cầu tăng.

9. Chỉ số giá vàng (+2,77%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/11/2023, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.982,01 USD/ounce, tăng 3,8% so với tháng 10/2023 do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì lập trường giữ lãi suất điều hành ở mức 5,25-5,5% để kéo lạm phát về 2%. Sự sụt giảm lợi suất trái phiếu Mỹ và đồng USD đang làm tăng sức hấp dẫn đầu tư vào vàng. Bên cạnh đó, giá vàng tăng do nhu cầu dự trữ vàng của các ngân hàng Trung ương và ở khu vực châu Á trong dịp cuối năm. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 11/2023 tăng 2,77% so với tháng trước; tăng 8,8% so với tháng 12/2022; tăng 9,29% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 3,38%.

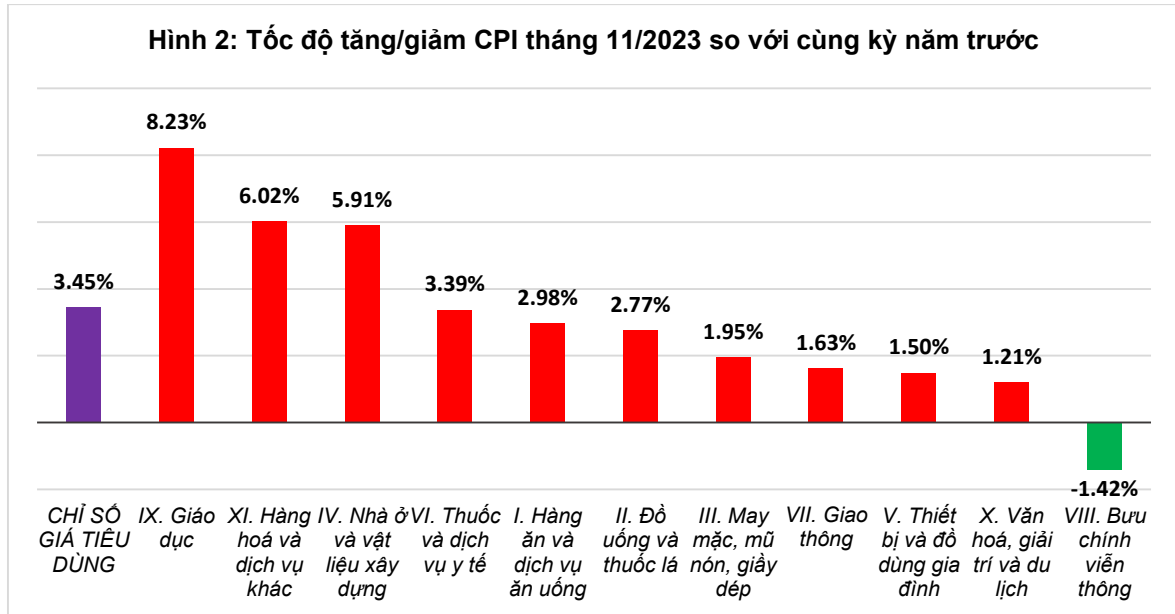
10. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,05%)

Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ có xu hướng giảm khi chỉ số CPI tháng 10/2023 của Mỹ cũng như chỉ số giá sản xuất (PPI) ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 4/2020 do giá năng lượng suy yếu. Đồng bạc xanh đã ghi nhận mức giảm mạnh so với các loại tiền tệ chính khác khi lo ngại về triển vọng kinh tế toàn cầu đang suy yếu. Đồng thời việc FED ngừng tăng lãi suất cũng khiến giá USD khó hồi phục. Tính đến ngày 25/11/2023, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 105,05 điểm, giảm 0,91% so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 24.605 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 11/2023 tăng 0,05% so với tháng trước; tăng 1,61% so với tháng 12/2022; giảm 1,03% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 1,94%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 11 từ năm 2019 đến năm 2023

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
CPI tháng 11 so với tháng trước	0,96	-0,01	0,32	0,39	0,25
CPI tháng 11 so với cùng kỳ năm trước	3,52	1,48	2,10	4,37	3,45
CPI tháng 11 so với tháng 12 năm trước	3,78	0,08	2,00	4,56	3,46
CPI bình quân 11 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,57	3,51	1,84	3,02	3,22

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 11/2023 tăng 3,45%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tăng:

- Nhóm giáo dục tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,51 điểm phần trăm, nguyên nhân do một số địa phương tăng học phí trường công lập năm học 2023-2024 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Đồng thời, các trường dân lập và tư thục cũng tăng học phí để bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,91%, làm CPI chung tăng 1,11 điểm phần trăm do giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,39% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,98%, tác động làm CPI chung tăng 1 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực tăng 13,24%; thực phẩm tăng 0,91%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,97%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,77% làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm, do chi phí đầu vào sản xuất tăng.

- Nhóm giao thông tháng 11/2023 tăng 1,63% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm.

- Bên cạnh đó, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng Mười Một tăng 1,95% so với cùng kỳ năm trước; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,5%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,21%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,02%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 11/2023 giảm 1,42% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại cố định và di động giảm.

So với tháng 12/2022, CPI tháng Mười Một tăng 3,46%, trong đó có 10 nhóm hàng tăng giá và 1 nhóm hàng giảm giá.

Các nhóm hàng có chỉ số giá tăng:

- Nhóm giáo dục tháng Mười Một tăng 7,89% so với tháng 12/2022 do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 15/10/2021.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,21% chủ yếu do giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm giao thông tăng 4,53% so với tháng 12/2022, trong đó giá xăng dầu tăng 7,75% do từ đầu năm đến nay, giá xăng dầu trong nước đã điều chỉnh 33 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 1.880 đồng/lít; xăng E5 tăng 1.720 đồng/lít.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,31% do một số địa phương tăng dịch vụ y tế theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 17/11/2023.

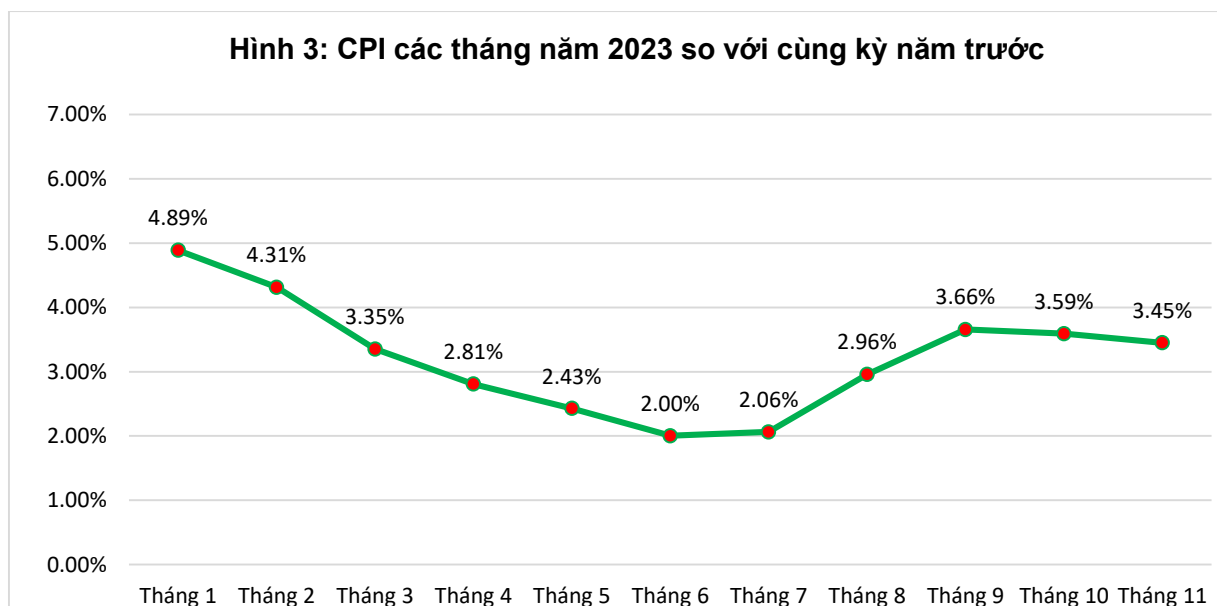
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,82%, trong đó giá lương thực tăng 12,7%, chủ yếu do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo thế giới; thực phẩm tăng 0,86%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,7%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,31% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.

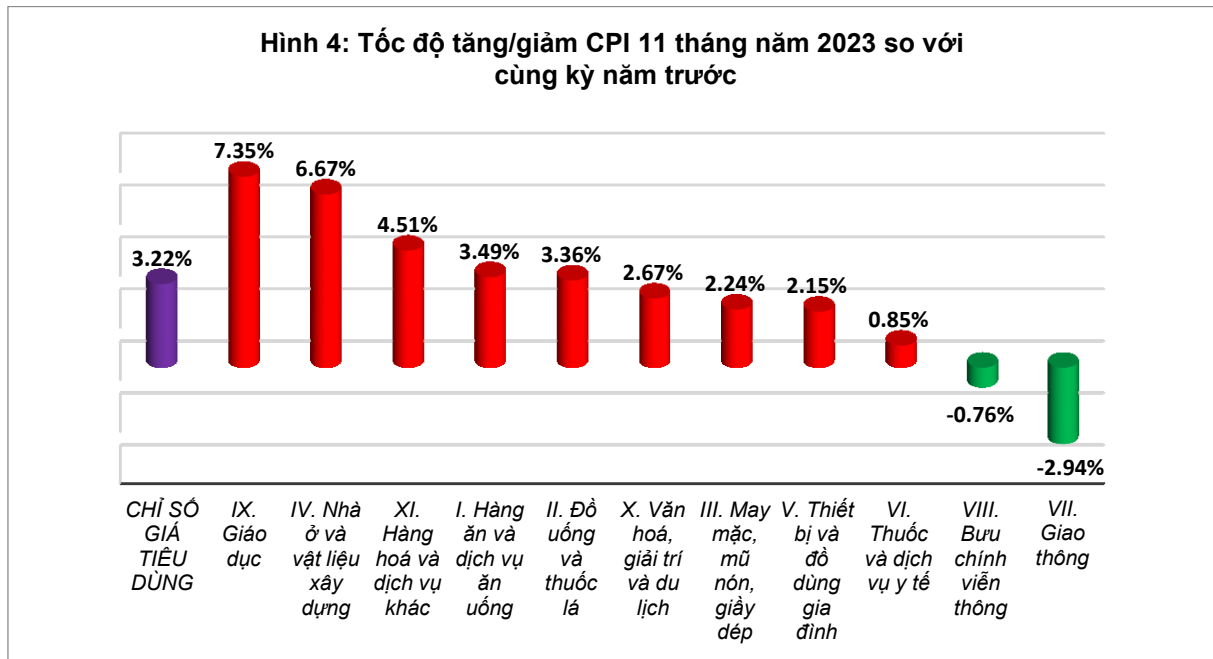
- Bên cạnh đó, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,54%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,27%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch 1,12%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 5,77%.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng Mười Một giảm 1,38% so với tháng 12/2022 do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 11 THÁNG NĂM 2023



So với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng các tháng đầu năm có xu hướng giảm dần, từ tháng Bảy theo xu hướng tăng trở lại cho đến tháng Mười xu hướng đổi chiều giảm nhưng chậm. Trong 11 tháng năm 2023, CPI tháng Một tăng cao nhất với 4,89%, sau đó giảm dần đến tháng Sáu mức tăng chỉ còn 2%, đến tháng Mười Một tăng 3,45%. Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm theo giá thế giới làm cho chỉ số giá nhóm xăng dầu so với cùng kỳ năm trước liên tục giảm, từ mức giảm 7,08% trong tháng 01/2023 đã giảm mạnh 31,73% trong tháng 6/2023, đến tháng Mười Một, giá xăng dầu giảm 0,11% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3,22% so với bình quân 11 tháng năm 2022.



1. Các yếu tố làm tăng CPI trong 11 tháng năm 2023

- Chỉ số giá nhóm vé máy bay bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 87,29% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do chi phí của các hãng bay và nhu cầu đi lại của người dân tăng cao, đặc biệt trong dịp Lễ, Tết, nghỉ hè đã tác động đến giá vận tải hàng không; giá vé tàu hỏa tăng 29,67%; giá vé ô tô khách tăng 7,43%.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 7,35% so với cùng kỳ năm trước do một số địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tác động làm CPI chung tăng 0,45 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 6,67% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,25 điểm phần trăm, do giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, cùng với đó giá thuê nhà ở tăng cao.

- Chỉ số giá nhóm lương thực tăng 6,17% tác động làm CPI chung tăng 0,23 điểm phần trăm. Trong đó, giá gạo tăng 5,76% theo giá gạo xuất khẩu, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm. Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 2,48%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong các dịp Lễ, Tết, tác động làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 4,55%, tác động làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm do nhu cầu sử dụng điện tăng và Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,36% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm, do nguyên liệu sản xuất và chi phí nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,51% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 0,16 điểm phần trăm, chủ yếu do từ tháng 7/2023, dịch vụ bảo hiểm y tế tăng theo mức lương cơ sở mới.

2. Các yếu tố làm giảm CPI trong 11 tháng năm 2023

- Chỉ số giá nhóm xăng dầu trong nước 11 tháng năm 2023 giảm 12,12% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá thế giới, tác động làm CPI chung giảm 0,44 điểm phần trăm; giá dầu hỏa giảm 10,15%.

- Chỉ số giá nhóm gas trong nước giảm 7,5% theo giá thế giới, tác động làm CPI chung giảm 0,11 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,76% do giá điện thoại thế hệ cũ giảm, tác động làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 11/2023 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,27% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,22%). Nguyên nhân chủ yếu do bình quân giá xăng dầu trong nước 11 tháng năm 2023 giảm 12,12% so với cùng kỳ năm trước, giá gas giảm 7,5% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng 11 và 11 tháng từ năm 2019 đến năm 2023

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Lạm phát cơ bản tháng 11 so với tháng trước	0,30	0,03	0,11	0,43	0,16
Lạm phát cơ bản tháng 11 so với cùng kỳ năm trước	2,18	1,61	0,58	4,81	3,15
Lạm phát cơ bản 11 tháng so với cùng kỳ năm trước	1,94	2,43	0,82	2,38	4,27

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.